

Bản án số: 09/2023/DS-ST

Ngày: 10/3/2023

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH THỪA THIÊN H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Trọng Căn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Bích Thủy.

2. Bà Đoàn Thị Thanh Nhàn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trương Bảo Long, Thư ký Toà án nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H: Ông Nguyễn Trường Thi, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố H (Địa chỉ: Số 60 đường N, phường V, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H) xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 122/2022/TLST-DS ngày 19 tháng 5 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2023/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 35/2023/QĐST-DS, ngày 28 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần S (Viết tắt: S); địa chỉ: Số 2C đường P, phường N, quận A, thành phố Hồ Chí Minh;

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Quang L, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị;

- Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Phúc M, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh H (Theo giấy ủy quyền số 84/GUQ-SGB ngày 08/04/2022);

- Người được ủy quyền lại: Ông Ngô Tiến T, sinh năm 1981; chức vụ: Nhân viên Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh H địa chỉ liên hệ: Số 50 đường H, phường N, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H (Theo giấy ủy quyền số 01/GUQ-SGB-CNHUE ngày 26/05/2022 của Giám đốc Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh H), có mặt.

* Bị đơn: Ông Lê Phúc T và bà Hoàng Thị Bích T; cùng địa chỉ: Số 05 kiệt 28 đường V, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H. Ông T có mặt, bà T vắng mặt.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Văn S, sinh năm 1941 và bà Phan Thị N, sinh năm 1949; cùng địa chỉ: Tổ dân phố C, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H. Bà N có mặt, ông S vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/04/2022, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn, cũng như người được ủy quyền lại của nguyên đơn ông Ngô Tiến T trình bày: Ông Lê Phúc T và bà Hoàng Thị Bích T có vay vốn tại Ngân hàng TMCP S (S) chi tiết như sau:

Ngày 07/7/2021 Ngân hàng TMCP S (S) và ông Lê Phúc T và bà Hoàng Thị Bích T ký hợp đồng tín dụng số 181/2021/HĐTDTL-CN để cho ông Lê Phúc T và bà Hoàng Thị Bích T vay số tiền là 3.700.000.000 đồng (Ba tỷ bảy trăm triệu đồng), mục đích sử dụng vốn vay: Bù đắp chi phí nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất; phương thức cho vay từng lần; thời hạn vay là 06 tháng (Kể từ ngày 08/07/2021 đến ngày 07/01/2022); lãi suất cho vay trong hạn: 10,5%/năm, lãi suất chậm trả đối với nợ gốc quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn đang áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, áp dụng theo khoản 3.2 Điều 3 của Hợp đồng tín dụng nêu trên.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, ông Lê Văn S và bà Phan Thị N đã thế chấp quyền sử dụng đất tại thửa đất số 32, tờ bản đồ số 04, diện tích 1.312,0m² (Đất ở 300m², đất vườn 1012m²); thời hạn sử dụng lâu dài; tọa lạc tại xã T, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên H (Nay là phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H) do UBND huyện Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Văn S vào ngày 01 tháng 3 năm 1993 sửa đổi lần cuối ngày 19/04/2007. Theo hợp đồng thế chấp số 16/HĐBĐ-2020 ngày 24/06/2020, được lập tại Văn phòng Công chứng Nam Thanh.

Từ thời điểm bắt đầu vay vốn tại Ngân hàng cho đến tháng 09/2021, ông Lê Phúc T và bà Hoàng Thị Bích T đã trả nợ đầy đủ cho Ngân hàng. Tuy nhiên, kể từ ngày 16/10/2021 cho đến nay ông Lê Phúc T và bà Hoàng Thị Bích T đã không thanh toán nợ gốc và lãi vay cho Ngân hàng theo các thỏa thuận đã ký. Ngân hàng đã nhiều lần làm việc nhắc nhở thông qua các thông báo nợ quá hạn, thư mời làm việc và biên bản làm việc để yêu cầu ông Lê Phúc T và bà Hoàng Thị Bích T thực hiện đủ nghĩa vụ trả nợ theo các cam kết đã ký, nhưng ông Lê Phúc T và bà Hoàng Thị Bích T không có thiện chí trong việc trả nợ vay cho Ngân hàng. Ông Lê Phúc T và bà Hoàng Thị Bích T đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi vay theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, giấy nhận nợ, phụ kiện nhận nợ và trả nợ. Tính đến ngày 10/3/2023 ông Lê Phúc T và bà Hoàng Thị Bích T còn nợ của Ngân hàng TMCP S nợ gốc và nợ lãi và phạt chậm thanh toán là: 4.518.804.320 đồng (Trong đó nợ gốc là 3.700.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 121.339.726 đồng, nợ lãi quá hạn là 681.737.671 đồng và phạt chậm thanh toán lãi là 15.762.924 đồng).

Nay Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Phúc T và bà Hoàng Thị Bích T phải trả cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền nợ gốc, nợ lãi trong hạn và nợ lãi quá hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm 10/3/2023 là 4.503.077.397 đồng (Bốn tỷ năm trăm lẻ ba triệu không trăm bảy mươi bảy nghìn ba

trăm chín mươi bảy đồng); trong đó nợ gốc là 3.700.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 121.339.726 đồng, nợ lãi quá hạn là 681.737.671 đồng. Kể từ ngày 11/3/2023 ông Lê Phúc T và bà Hoàng Thị Bích T phải tiếp tục trả lãi của số tiền nợ chưa thanh toán cho Ngân hàng TMCP S theo Hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết cho đến khi ông Lê Phúc T và bà Hoàng Thị Bích T thanh toán xong toàn bộ khoản vay. Còn đối với phạt chậm thanh toán lãi với số tiền 15.726.924 đồng, Ngân hàng TMCP S xin rút.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực mà ông Lê Phúc T và bà Hoàng Thị Bích T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng TMCP S có quyền đề nghị cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp đảm bảo cho khoản vay được mô tả theo hợp đồng thế chấp đã ký là: Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 32, tờ bản đồ số 04, địa chỉ xã T, huyện Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên H. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 508262, Sổ vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 382QSDĐ/01 do UBND huyện H, tỉnh Thừa Thiên H cấp vào ngày 01/03/1993, sửa đổi lần cuối ngày 19/04/2007.

Trường hợp sau khi bán tài sản bảo đảm mà không đủ thanh toán số tiền vốn gốc nợ vay, tiền lãi vay, chi phí phát mãi tài sản thì ông Lê Phúc T và Bà Hoàng Thị Bích T có trách nhiệm tiếp tục thanh toán số tiền còn thiếu cho đến khi hết nợ.

Tại Biên bản lấy lời khai vào ngày 31/05/2022 và tại phiên tòa bị đơn ông Lê Phúc T trình bày: Ngày 07/7/2021 ông và vợ là bà Hoàng Thị Bích T có ký kết với Ngân hàng TMCP S hợp đồng tín dụng số 181/2021/HĐTDTL-CN để vay số tiền là 3.700.000.000 đồng. Để đảm bảo cho khoản vay thì bố mẹ ông là ông Lê Văn S và bà Phan Thị N đã thế chấp tài sản là Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 32, tờ bản đồ số 04, diện tích 1.312m², tọa lạc tại phường T, thành phố H (Cũ là xã T, huyện H), tỉnh Thừa Thiên H. Theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số B508262 do UBND huyện H, tỉnh Thừa Thiên H cấp ngày 01/03/1993 đứng tên Lê Văn S, cập nhật biến động 19/04/2007. Quá trình vay vốn do ảnh hưởng của dịch bệnh, công việc làm ăn khó khăn nên vợ chồng ông đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng. Ông thừa nhận vợ chồng ông còn nợ Ngân hàng TMCP S số tiền tính đến ngày 10/3/2023 là 4.503.077.397 đồng (Bốn tỷ năm trăm lẻ ba triệu không trăm bảy mươi bảy nghìn ba trăm chín mươi bảy đồng), (Trong đó nợ gốc là 3.700.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 121.339.726 đồng, nợ lãi quá hạn là 681.737.671 đồng).

Tại Biên bản lấy lời khai vào ngày 23/12/2022, bị đơn là bà Hoàng Thị Bích T trình bày: Ngày 07/7/2021 vợ chồng bà là Lê Phúc T và Hoàng Thị Bích T có ký kết với Ngân hàng TMCP S để vay số tiền 3.700.000.000 đồng. Để đảm bảo cho khoản vay này thì bố mẹ chồng bà là ông Lê Văn S và bà Phan Thị N đã thế chấp tài sản là nhà, đất tại thửa đất số 32, tờ bản đồ số 04, diện tích 1.312m² tọa lạc tại tổ dân phố C, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số B508262 do UBND huyện H, tỉnh Thừa Thiên H cấp ngày 01/03/1993, cập nhật biến động vào ngày 19/04/2007. Quá trình vay vốn do ảnh hưởng bởi dịch bệnh, công việc làm ăn khó khăn nên vợ chồng bà đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng. Bà công nhận vợ chồng bà còn nợ của Ngân hàng TMCP S số tiền tạm

tính đến ngày 30/09/2022 là 4.256.403.444 đồng trong đó nợ gốc là 3.700.000.000 đồng, nợ lãi là 556.403.444 đồng. Do công việc làm ăn hiện đang gặp nhiều khó khăn nên không thể trả một lần cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ trên được, bà đề nghị ngân hàng tạo điều kiện gia hạn thêm thời gian cho vợ chồng bà có thể trả nợ. Bà đồng ý với yêu cầu vợ chồng bà sẽ tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh kể từ ngày 01/10/2022 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Tại biên bản lấy lời khai vào ngày 20/12/2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Văn S và bà Phan Thị N trình bày:

Lê Phúc T là con ruột của vợ chồng ông bà, còn bà Hoàng Thị Bích T là con dâu của ông, bà. Ngày 24/06/2020 vợ chồng ông là Lê Văn S và bà Phan Thị N có ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 16/HĐBĐ-2020 với Ngân hàng TMCP S để đảm bảo cho khoản vay của vợ chồng ông Lê Phúc T và bà Hoàng Thị Bích T tại ngân hàng. Tài sản mà vợ chồng ông, bà thế chấp là đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 32, tờ bản đồ số 04, diện tích 1.312m² tọa lạc tại tổ dân phố C, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất tại số B508262 do UBND huyện H, tỉnh Thừa Thiên H cấp ngày 01/03/1993 đứng tên ông Lê Văn S. Cập nhật biến động ngày 19/04/2007 tặng cho Lê Phúc T 256m² đất. Diện tích thế chấp là 1.312m². Ông, bà thừa nhận là vợ chồng ông, bà có ký kết hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất đã nêu trên để đảm bảo cho khoản vay của ông Lê Phúc T và bà Hoàng Thị Bích T tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công thương. Thời gian vừa qua do tình hình dịch bệnh phức tạp, việc làm ăn của con trai ông, bà gặp nhiều khó khăn nên mất khả năng trả nợ cho Ngân hàng. Tuy nhiên, hiện nay vợ chồng con trai ông đang tìm phương án để trả dứt khoản nợ nêu trên nên đề nghị phía ngân hàng tạo điều kiện gia hạn cho vợ chồng con ông, bà thêm thời gian để trả nợ. Trường hợp vợ chồng con trai ông, bà không trả được nợ cho Ngân hàng thì đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật để giải quyết vụ án. Tài sản nêu trên là tài sản chung của vợ chồng ông, bà là Lê Văn S và bà Phan Thị N. Từ khi thế chấp cho đến nay thì tài sản không có biến động gì.

Tại phiên tòa, bà Phan Thị N thống nhất như phần trình bày của bà tại biên bản lấy lời khai vào ngày 20/12/2022.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân theo đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự:

+ Đối với nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70 và 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

+ Đối với bị đơn: Đã thực hiện chưa đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự;

+ Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Đã thực hiện chưa đúng các quy định tại Điều 70, Điều 73 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Tại phiên tòa bị đơn bà Hoàng Thị Bích T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Lê Văn S đã được Tòa án triệu tập lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do và không vì sự kiện bất khả kháng. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 321, 325, 335, 336, 339, 342, 463, 465, 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, để giải quyết theo hướng:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S buộc ông Lê Phúc T và bà Hoàng Thị Bích T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền nợ gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn của hợp đồng tín dụng số: 181/2021/HĐTDTL-CN, ngày 07/7/2021 tính đến ngày xét xử sơ thẩm 10/3/2023 là 4.503.077.397 đồng (Trong đó nợ gốc: 3.700.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 121.339.726 đồng, nợ lãi quá hạn 681.737.671 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (Ngày 11/3/2023) ông Lê Phúc T và bà Hoàng Thị Bích T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi ông Lê Phúc T và bà Hoàng Thị Bích T thanh toán xong toàn bộ khoản vay cho ngân hàng TMCP S.

Trường hợp ông Lê Phúc T và bà Hoàng Thị Bích T thanh không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng TMCP S có quyền đề nghị cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ thay cho bên thứ ba các khoản vay theo quy định tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 16/HĐBB-2020, ngày 24/6/2020 được lập và công chứng tại Văn phòng Công chứng N được ký giữa bên A, bên B và bên được cấp tín dụng, trong trường hợp ông Lê Phúc T và bà Hoàng Thị Bích T không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ đủ số nợ trên cho phí ngân hàng, Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo đúng quy định của pháp luật.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc bị đơn ông Lê Phúc T và bà Hoàng Thị Bích T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0003294, ngày 19/5/2022.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Tại phiên tòa người được ủy quyền lại của nguyên đơn là ông Tiến Thành xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về phạt chậm thanh toán tiền lãi với số tiền 15.726.924 đồng. Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, đúng pháp luật nên cần chấp nhận. Căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đã rút với số tiền 15.726.924 đồng, nguyên đơn không phải chịu án phí đối với một phần yêu cầu đã rút.

- Bà Hoàng Thị Bích T là bị đơn, ông Lê Văn S là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án trong vụ án đã được Tòa án triệu tập lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do và không vì sự kiện bất khả kháng, nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S (S), thấy rằng:

Ngày 07/07/2021 ông Lê Phúc T và bà Hoàng Thị Bích T có ký với Ngân hàng TMCP S Hợp đồng tín dụng số: 181/2021/HĐTDTL-CN để vay số tiền 3.700.000 đồng (Ba tỷ bảy trăm triệu đồng); mục đích sử dụng vốn vay: Bù đắp chi phí nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất; phương thức cho vay: Cho vay từng lần; thời hạn vay: 06 tháng; thời hạn rút vốn: 01 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng; lãi suất cho vay: 10,5%/năm, lãi suất cho vay được điều chỉnh định kỳ 06 tháng/lần; lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn đang áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; trả nợ lãi: Ngày 15 hàng tháng; trả nợ gốc: Cuối kỳ; khi thanh toán nợ gốc, bên vay phải thanh toán hết nợ lãi tương ứng của phần nợ gốc thanh toán.

Để đảm bảo cho khoản vay trên ông Lê Văn S và bà Phan Thị N thế chấp Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 32, tờ bản đồ số 04, diện tích 1.312,0m² (Đất ở 300m², đất vườn 1012m²); Thời hạn sử dụng lâu dài; Tọa lạc tại xã T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên H (Nay là phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H) do UBND huyện H, tỉnh Thừa Thiên H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất B 508262, số vào sổ cấp GCN: 382/QSĐĐ/01 cho ông Lê Văn S vào ngày 01 tháng 3 năm 1993, sửa đổi lần cuối ngày 19/04/2007. Theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 16/HĐBĐ-2020 ngày 24/06/2020, được lập tại Văn phòng Công chứng N và đã được đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã H, tỉnh Thừa Thiên H vào ngày 24/6/2020.

Trong quá trình vay vốn từ ngày 07/7/2021 đến ngày 15/9/2021, ông Lê Phúc T và bà Hoàng Thị Bích T mới trả được cho Ngân hàng TMCP S số tiền nợ lãi trong hạn là 74.506.849 đồng. Kể từ ngày 16/10/2021 cho đến nay, ông Lê Phúc T và bà Hoàng Thị Bích T không trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng TMCP S theo như các đã thỏa thuận đã ký. Ngân hàng đã nhiều lần làm việc nhắc nhở thông qua các thông báo nợ quá hạn, thư mời làm việc và biên bản làm việc để yêu cầu ông Lê Phúc T và bà Hoàng Thị Bích T thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo các cam kết đã ký, nhưng ông Lê Phúc T và bà Hoàng Thị Bích T không có thiện chí trong việc trả nợ vay cho Ngân hàng. Ông Lê Phúc T và bà Hoàng Thị Bích T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi vay theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, giấy nhận nợ, phụ kiện nhận nợ và trả nợ. Như vậy, tính đến ngày xét xử sơ thẩm 10/3/2023 ông Lê Phúc T và bà Hoàng Thị Bích T còn nợ của Ngân hàng TMCP S số tiền nợ gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn là 4.503.077.397 đồng (Bốn tỷ năm trăm lẻ ba triệu không trăm bảy mươi bảy nghìn ba trăm chín mươi bảy đồng), (Trong đó nợ gốc: 3.700.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 121.339.726 đồng, nợ lãi quá hạn 681.737.671 đồng).

Từ những nhận định trên, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Phúc T và bà Hoàng Thị Bích T phải trả cho Ngân hàng TMCP S toàn bộ số nợ gốc, nợ lãi trong hạn và nợ lãi quá hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm 10/3/2023 là 4.503.077.397 đồng (Bốn tỷ năm trăm lẻ ba triệu không trăm bảy mươi bảy nghìn ba trăm chín mươi bảy đồng), (Trong đó nợ gốc: 3.700.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 121.339.726 đồng, nợ lãi quá hạn 681.737.671 đồng). Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (Ngày 11/3/2023) cho đến khi thi hành án xong, ông Lê Phúc T và bà Hoàng Thị Bích T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi ông Lê Phúc T và bà Hoàng Thị Bích T thanh toán xong toàn bộ khoản vay cho ngân hàng TMCP S, là có căn cứ cần chấp nhận.

[3] Về xử lý tài sản bảo đảm: Trong trường hợp ông Lê Phúc T và bà Hoàng Thị Bích T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng TMCP S (S) thì trước hết Ngân hàng TMCP S có quyền yêu cầu người bảo lãnh là ông Lê Văn S và bà Phan Thị N thực hiện trả nợ thay; khi ông Lê Văn S và bà Phan Thị N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP S có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là: Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 32, tờ bản đồ số 04, diện tích 1.312,0m² (Đất ở 300m², đất vườn 1012m²); Thời hạn sử dụng lâu dài; Tọa lạc tại xã T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên H (Nay là phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H) do UBND huyện H, tỉnh Thừa Thiên H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B508262, sổ vào sổ cấp GCN: 382/QSDĐ/01 cho ông Lê Văn S vào ngày 01 tháng 3 năm 1993, sửa đổi lần cuối ngày 19/04/2007. Theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 16/HĐBĐ-2020 ngày 24/06/2020, được lập tại Văn phòng Công chứng N tỉnh Thừa Thiên H và đã được đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã H, tỉnh Thừa Thiên H vào ngày 24/6/2020 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp sau khi bán tài sản bảo đảm mà không đủ thanh toán số tiền nợ gốc, nợ lãi, chi phí phát mãi tài sản thì ông Lê Phúc T và bà Hoàng Thị Bích T có trách nhiệm thanh toán số tiền còn thiếu cho đến khi trả hết nợ.

[4] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ngân hàng TMCP S tự nguyện chịu 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) Ngân hàng TMCP S đã nộp đủ, nay không phải nộp.

[5] Về án phí:

- Buộc ông Lê Phúc T và bà Hoàng Thị Bích T phải chịu: $[4.503.077.397 \text{ đồng} = 112.000.000 \text{ đồng} + (503.077.397 \text{ đồng} \times 0,1\%)] = 112.503.077 \text{ đồng}$, làm tròn số: 112.503.000 đồng (Một trăm mười hai triệu năm trăm lẻ ba nghìn đồng).

- Ngân hàng TMCP S không phải chịu án phí, nên được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí 55.891.000 đồng (Năm mươi lăm triệu tám trăm chín mươi một nghìn đồng) mà Ngân hàng TMCP S đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0003294, ngày 19/5/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 280, 292, 293, 294, 295, 296, 298, 299, 317, 318, 320, 323, 324, 335, 336, 339, 340, 342, 463, 466, 467, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017); khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đã rút đối với số tiền phạt chậm thanh toán là 15.726.924 đồng (Mười lăm triệu bảy trăm hai mươi sáu nghìn chín trăm hai bốn đồng), nguyên đơn không phải chịu đối với một yêu cầu khởi kiện đã rút.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Công Thương (S), buộc ông Lê Phúc T và bà Hoàng Thị Bích T phải trả cho Ngân hàng TMCP Công Thương toàn bộ số nợ gốc, nợ lãi trong hạn và nợ lãi quá hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm 10/3/2023 là 4.503.077.397 đồng (Bốn tỷ năm trăm lẻ ba triệu không trăm bảy mươi bảy nghìn ba trăm chín mươi bảy đồng), (Trong đó nợ gốc: 3.700.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 121.339.726 đồng, nợ lãi quá hạn 681.737.671 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (Ngày 11/3/2023) cho đến khi thi hành án xong, ông Lê Phúc T và bà Hoàng Thị Bích T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi ông Lê Phúc T và bà Hoàng Thị Bích T thanh toán xong toàn bộ khoản vay cho ngân hàng TMCP S.

3. Về xử lý tài sản bảo đảm: Trong trường hợp ông Lê Phúc T và bà Hoàng Thị Bích T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng TMCP S thì trước hết Ngân hàng TMCP S có quyền yêu cầu người bảo lãnh là ông Lê Văn S và bà Phan Thị N thực hiện trả nợ thay; khi ông Lê Văn S và bà Phan Thị N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP S có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là: Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 32, tờ bản đồ số 04, diện tích 1.312,0m² (Đất ở 300m², đất vườn 1012m²); thời hạn sử dụng lâu dài; tọa lạc tại xã T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên H (Nay là phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H) do UBND huyện H, tỉnh Thừa Thiên H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B508262, số vào sổ cấp GCN: 382/QSĐĐ/01 cho ông Lê Văn S vào ngày 01 tháng 3 năm 1993, sửa đổi lần cuối ngày 19/04/2007. Theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 16/HĐBĐ-2020 ngày 24/06/2020, được lập tại Văn phòng Công chứng N và đã được đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã H, tỉnh Thừa Thiên H vào ngày 24/6/2020 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp sau khi bán tài sản bảo đảm mà không đủ thanh toán số tiền nợ gốc, nợ lãi, chi phí phát mãi tài sản thì ông Lê Phúc T và bà Hoàng Thị Bích T có trách nhiệm thanh toán số tiền còn thiếu cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng TMCP S.

4. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ngân hàng TMCP S tự nguyện chịu 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) Ngân hàng TMCP S đã nộp đủ, nay không phải nộp.

5. Về án phí:

- Buộc ông Lê Phúc T và bà Hoàng Thị Bích T phải chịu 112.503.000 đồng (Một trăm mười hai triệu năm trăm lẻ ba nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí 55.891.000 đồng (Năm mươi lăm triệu tám trăm chín mươi một nghìn đồng) mà Ngân hàng TMCP S đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0003294, ngày 19/5/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H.

Án sơ thẩm xét xử công khai nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT H;
- VKSND TP H;
- Chi cục THADS TP H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu dân;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Huỳnh Trọng Cần

